

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97 /2021/DS-ST**

Ngày 20/7/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lý Thị Nhân**
2. Bà **Lê Thị Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Tân** - Thư ký TAND thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà **Phạm Hương Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLST- DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 về *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Thu T**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh T. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông **Vũ Trung K**, chi nhánh số 1 – Công ty TNHH MTV Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang.
Có mặt.

*** Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Thuý H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: SN 1, tổ dân phố 17, phường M, thành phố T, tỉnh T.

Nơi công tác: Ngân hàng chính sách xã hội huyện L, tỉnh T.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn – chị Lê Thị Thu T trình bày: Ngày 07/4/2017 chị có cho chị Nguyễn Thị Thuý H (khi đó đang làm cán bộ Ngân hàng chính sách xã hội huyện S, tỉnh T) vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 07/4/2017, thời hạn từ ngày 07/4/2017 đến ngày 11/4/2017, lãi suất theo thoả thuận.

Tuy nhiên đến hạn chị H đã không thực hiện việc trả tiền theo đúng nội dung của Giấy biên nhận vay tiền vì vậy chị khởi kiện đến Tòa án yêu cầu chị Nguyễn Thị Thuý H trả cho chị số tiền nợ gốc đã vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tạm tính theo quy định pháp luật từ tháng 4/2017 đến tháng 3/2020 là 33 tháng: $150.000.000đ \times 12\%/12 \text{ tháng} \times 33 \text{ tháng} = 49.500.000đ$ (Bốn mươi chín triệu năm trăm đồng), tổng cộng cả tiền gốc và lãi là $150.000.000đ + 49.500.000đ = 199.500.000đ$ (Một trăm chín mươi chín triệu năm trăm đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi các văn bản tố tụng (bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện hoặc tổng đạt trực tiếp) triệu tập chị Nguyễn Thị Thuý H đến Tòa án làm việc nhưng chị H không nộp cho Tòa án bản tự khai về nội dung vụ án mà nộp bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của người khởi kiện như sau: “Chị T cho tôi vay bao nhiêu tiền? Có thoả thuận lãi không? Chị T xác định tôi đã trả nợ cho chị T hay chưa? Chị T yêu cầu tôi trả nợ hiện tại là bao nhiêu tiền?”. Tòa án đã Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chị H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa chị Lê Thị Thu T (do ông Vũ Trung K đại diện theo uỷ quyền) và chị Nguyễn Thị Thuý H được. Tòa án đã tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện (đã được sửa đổi bổ sung), đề nghị chị Nguyễn Thị Thuý H hoàn trả số tiền 150.000.000 đồng; người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - ông Vũ Trung K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị chị Nguyễn Thị Thuý H trả cho chị Lê Thị Thu T số tiền đã vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Chị Nguyễn Thị Thuý H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu T, buộc chị Nguyễn Thị Thuý H phải trả cho chị Thuý số tiền nợ gốc đã vay

là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), chị T và người đại diện theo uỷ quyền không yêu cầu chị H trả lãi nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn (bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật). Tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Lê Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt; có mặt người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; chị Nguyễn Thị Thuý H đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự (nguyên đơn và bị đơn) trong vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Ngày 09/4/2020, chị Lê Thị Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Thuý H hoàn trả số tiền nợ gốc đã vay là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) theo giấy vay tiền ngày 07/4/2017 và tiền lãi chậm trả. Ngày 28/5/2021 chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị H hoàn trả 150.000.000 đồng mà không yêu cầu tính lãi nữa. Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thấy rằng: Kèm theo đơn khởi kiện, chị Lê Thị Thu T giao nộp 01 bản chính Giấy biên nhận vay tiền thể hiện nội dung: Ngày 07/4/2017, chị Nguyễn Thị Thuý H (chồng là Lưu Quang M) vay của ông bà GT số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 ngày kể từ ngày 7/4/2017 đến ngày 11/4/2017, không thể hiện lãi suất. Giấy biên nhận tiền ký tên người vay tiền Ng – H. Chị Lê Thị Thu T xác định đến hạn chị H không trả tiền mặc dù chị T đã đòi rất nhiều lần. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Thuý H nhưng chị H không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án tiến hành; tuy nhiên có giao nộp cho Tòa án các bản photo ghi nội dung tin nhắn việc đòi tiền của chị T và việc khát nợ của chị H. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải do Tòa án tiến hành, chị Nguyễn Thị Thuý H đều vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn đã đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trong giấy biên nhận tiền ngày 07/4/2017 với chữ viết, chữ ký trong Bản trình bày ý kiến ngày 20/7/2020 + Đơn xin hoãn hoà giải + Đơn xin xem và in sao giấy vay nợ gốc của chị H nộp cho Tòa án thành phố Tuyên Quang. Tại Kết luận giám định số 389/GĐ-KTHS ngày 16/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh

Tuyên Quang kết luận: Chữ viết và chữ ký trong “Giấy biên nhận vay tiền” mang tên Nguyễn Thị Thuý H, lập ngày 7/4/2017 (ký hiệu A1) với chữ viết, chữ ký trong “Bản trình bày ý kiến ngày 20/7/2020” (ký hiệu M1) + Đơn xin hoãn hoà giải ngày 15/7/2020 (ký hiệu M2) + Đơn xin xem và in sao giấy vay nợ gốc ngày 15/7/2020 (ký hiệu M3) là do cùng một người viết và ký. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu T về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thuý H phải trả cho chị số tiền gốc là 150.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Lê Thị Thu T đã nộp chi phí giám định chữ viết, chữ ký là 3.120.000đ (*Ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*), chị T yêu cầu chị H phải hoàn trả cho chị số tiền này. Căn cứ Điều 161 của Bộ luật dân sự, do yêu cầu khởi kiện của chị T được Toà án chấp nhận nên buộc chị Nguyễn Thị Thuý H có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Lê Thị Thu T số tiền chi phí tố tụng là 3.120.000đ (*Ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*).

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thuý H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

- Các Điều 26, 147, 161, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu T.

- Buộc chị Nguyễn Thị Thuý H phải trả cho chị Lê Thị Thu T số tiền 150.000.000đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).
- Buộc chị Nguyễn Thị Thuý H có nghĩa vụ thanh toán cho chị Lê Thị Thu T số tiền chi phí tố tụng về việc giám định chữ viết, chữ ký là 3.120.000.000đồng (*Ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thuý H phải nộp 7.500.000đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chị Lê Thị Thu T không phải nộp án phí. Hoàn trả cho chị Lê Thị Thu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.987.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000394 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị Thuý H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thu Thủy

